TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN LẮK** **TỈNH ĐẮK LẮK**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 12/2017/HNGĐ-ST
Ngày 22 - 12 - 2017
V/v tranh chấp ly hôn, giải quyết việc nuôi con và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LẮK - TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Y Phụng Ayun

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Ngọc.

2. Ông Nguyễn Phan Anh.

- Thư ký phiên toà: Ông Trần Văn Thao - Thư ký Toà án nhân dân huyện Lắk, tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lắk tham gia phiên tòa:

Ông Y Ker B'Krông - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 12 năm 2017, tại Hội trường A Toà án nhân dân huyện Lắk, tỉnh Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 62/2017/TLST-HNGĐ, ngày 12 tháng 6 năm 2017 về tranh chấp "Ly hôn, giải quyết nuôi con và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 15/2017/QĐXXST - HNGĐ ngày 23 tháng 11 năm 2017 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị H Y Du, sinh năm: 1989.

Địa chỉ: Buôn Y, xã Y, huyện L, tỉnh Đắk Lắk. Có mặt

2. Bị đơn: Anh Y K Triêk, sinh năm: 1985.

Địa chỉ: Buôn C, xã Y, huyện L, tỉnh Đắk Lắk. Có mặt

3. Người phiên dịch tiếng dân tộc M'Nông cho các đương sự:

Bà H B Uông; dân tộc: M'Nông.

Địa chỉ và nơi công tác: Cán bộ Tư pháp xã B, huyện L, tỉnh Đắk Lắk.

Có mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Qua đơn khởi kiện ngày 12/6/2017, các bản tự khai, biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nguyên đơn chị H Y Du trình bày: Vào năm 2008, giữa chị H Y Du và anh Y K Triêk đã tự nguyện tìm hiểu sống chung với nhau và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Y, huyện L, tỉnh Đắk Lắk vào ngày 27/10/2008. Sau khi kết hôn vợ chồng sống chung với nhau chỉ được hạnh phúc trong khoảng thời gian năm đầu, tại thời điểm này mới sinh được cháu Y K Du tại Buôn Y, xã Y, huyện L. Đến năm 2012 trở về đây thì vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, liên tục xảy ra cãi vả, chửi bới, xúc phạm nhau, luôn bất đồng về quan điểm sống dẫn đến bị sứt mẻ về tình cảm giữa hai vợ chồng; mặt khác trong thời gian chị H Y đang đi học 04 năm cao đẳng sư phạm Đắk Lắk, mỗi lần về nhà thì anh Y K Triêk ở nhà hay ghen tuông vô cớ rồi uống rượu say xỉn về nhà lại gây sự với vợ con. Đến tháng 4/2014, vợ chồng lại tiếp tục xảy ra mâu thuẫn, lần này anh Y K Triêk đã bỏ hẳn về nhà bố mẹ ruột tại Buôn C, xã Y, huyện L để sinh sống, không quay về sống chung với vợ con nữa, (vợ chồng đã ly thân) từ đó cho đến nay; mỗi người sinh sống ở mỗi nơi. Do đó, chị H Y Du xét thấy mâu thuẫn vợ chồng quá trầm trọng, không thể chung sống với nhau lâu dài, mục đích hôn nhân không đạt được và không có biện pháp thích hợp để hàn gắn mâu thuẫn vợ chồng, nên đã làm đơn khởi kiện yêu cầu Toà án giải quyết ly hôn với anh Y K Triêk để giải phóng cho cả hai được tự do ổn định tư tưởng và yên tâm làm ăn sinh sống để nuôi dưỡng con cái ăn học.

Về con chung: Chị H Y Du và anh Y K Triêk có một đứa con chung tên là Y K Du, sinh ngày 04/12/2009; hiện đang đi học lớp 2B Trường tiểu học cơ sở Y J của xã Y và sinh sống với chị H Y Du tại Buôn Y, xã Y, huyện L. Nguyện vọng của chị H Y nếu ly hôn với anh Y K thì muốn được trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục cháu Y K Du cho đến tuổi trưởng thành. Về vấn đề cấp dưỡng nuôi con, lúc khởi kiện ban đầu chị H Y Du yêu cầu anh Y K Triêk phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu Y K Du theo hàng tháng với mức 2.000.000 đồng/tháng cho đến khi cháu Y K đủ 18 tuổi. Nhưng, trong quá trình Tòa án đang giải quyết vụ án, thì chị H Y Du xin thay đổi mức cấp dưỡng nuôi cháu Y K theo hàng tháng với mức là 650.000 đồng/tháng. Song, đến ngày 25/9/2017 chị H Y lại xin rút một phần yêu cầu khởi kiện về việc không yêu cầu anh Y K phải cấp dưỡng nuôi cháu Y K nữa; vì lý do hiện nay chị H Y đã có công ăn việc làm, thu nhập ổn định và có đủ điều kiện để nuôi dưỡng chăm sóc lo cho cháu Y K Du ăn học đầy đủ nên không yêu cầu anh Y K phải cấp dưỡng nuôi cháu Y K Du.

Về tài sản và nợ chung: Không có yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn anh Y K Triêk: Sau khi Tòa án thụ lý vụ án, qua xác minh, thu thập chứng cứ của Tòa án nhiều lần cho thấy. Mặc dù, Tòa án đã triệu tập anh Y K đến phiên họp, thông báo mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhiều lần nhưng anh Y K Triêk không chấp hành, tỏ thái độ không hợp tác với Tòa án, không chịu làm bản tự khai hoặc có tiến hành lấy lời khai của anh Y K nhưng Y K vẫn cương quyết không chịu trả lời cho Tòa án lấy lời khai và có tham gia mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai

chứng cứ và hòa giải nhưng không chịu ký vào biên bản. Theo như anh Y K cho rằng việc chị H Y Du yêu cầu ly hôn với anh là chưa được thông qua giải quyết và hòa giải ở dưới cơ sở thôn Buôn cũng như chính quyền địa phương xã Y giải quyết trước mà chị H Y lại làm đơn khởi kiện gửi thẳng ra Tòa án giải quyết nên anh Y K không chấp nhận theo yêu cầu ly hôn của chị H Y Du.

Tại biên bản xác minh ngày 26/6/2017 của Tòa án nhân dân huyện L đã gặp ông Y N Lưk, sinh năm 1976; Buôn trưởng Buôn Y, xã Y cho biết: Vợ chồng anh Y K Triêk và chị H Y Du về chung sống với nhau tại Buôn Y, xã Y có tổ chức đám cưới theo phong tục tập quán và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Y, huyện L vào tháng 10/2008. Sau khi kết hôn vợ chồng anh Y K Triêk và chị H Y Du về sống chung tại Buôn Y chỉ được hạnh phúc khoảng một thời gian mấy năm. Đến khoảng tháng 6/2012 thì vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn nhưng họ không có gửi đơn đến Ban tự quản Buôn Y để hòa giải mà họ tự giải quyết nội bộ gia đình với nhau. Đến tháng 4/2014 vợ chồng anh Y K Triêk và chị H Y Du lại tiếp tục xảy ra mâu thuẫn, lần này anh Y K đã bỏ hẳn về nhà bố mẹ ruột tại Buôn C, xã Y để sinh sống, hai vợ chồng đã sống ly thân từ đó cho đến nay; sau khi về nhà bố mẹ ruột ở thì Y K để lại cháu Y K Du cho chị H Y Du nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục. Ngoài ra, vợ chồng anh Y K Triêk và chị H Y Du sống như thế nào thì ban tự quản Buôn Y không biết.

Tại biên bản xác minh ngày 25/7/2017 của Tòa án nhân dân huyện L đã gặp ông Y P Dăk Căt là Buôn trưởng Buôn C, xã Y cho biết: Vào năm 2008 anh Y K Triêk lấy vợ là chị H Y Du ở Buôn Y, xã Y và sinh sống ở với gia đình vợ. Đến khoảng năm 2015, thì anh Y K về hẳn nhà mẹ ruột là bà H B Triêk tại Buôn C, xã Y để sinh sống. Trong thời gian này Ban tự quản Buôn có nghe vợ chồng anh Y K Triêk và chị H Y Du xảy ra mâu thuẫn với nhau, nhưng họ không có gửi đơn đến Ban tự quản Buôn để hòa giải mà họ tự giải quyết nội bộ gia đình với nhau; vậy Ban tự quản Buôn chỉ biết là anh Y K sinh sống với mẹ ruột của mình vào khoảng từ năm 2015 cho đến nay. Ngoài ra, chuyện vợ chồng của anh Y K Triêk và chị H Y Du xảy ra mâu thuẫn như thế nào thì ban tự quản Buôn C không biết.

Sau khi thụ lý vụ án, mặc dù Tòa án đã mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng và hòa giải nhưng các bên đương sự vẫn không thống nhất với nhau quay về đoàn tụ được.

Tại phiên tòa hôm nay, chị H Y Du vẫn giữ nguyên quan điểm, yêu cầu khởi kiện của mình cũng như đã khai trong bản tự khai, biên bản mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải về quan hệ hôn nhân, con cái, tài sản và nợ chung. Các bên đương sự không có xuất trình chứng cứ mới hoặc phát sinh những tình tiết mới của vụ án tại phiên tòa.

Tại phiên tòa hôm nay anh Y K Triêk trình bày: Anh cũng nhất trí với ý kiến của chị H Y Du đã trình bày trên đây, về quan hệ hôn nhân, con cái, tài sản và nợ chung. Sau khi kết hôn, trong quá trình sống chung anh vẫn thừa nhận đôi lúc anh có uống rượu say thì vợ chồng cũng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, xích mích, cãi vả nhau, chửi bới, xúc phạm nhau hoặc có đánh đập chị H Y vài lần, thì điều đó

không thể tránh khỏi được. Tuy nhiên, một phần cũng do lỗi của chị H Y mỗi lần làm những công việc gì không vừa ý hoặc thỉnh thoảng anh Y K có uống rượu say xỉn là hay chửi bới, xúc phạm đến bản thân anh nhiều lần. Đến năm 2015, vợ chồng lại tiếp tục xảy ra mâu thuẫn, lần này chị H Y lấy đồ đạc, quần áo của anh Y K vứt ra ngoài và đuổi anh Y K đi ra khỏi nhà, do vậy anh Y K mới bỏ hẳn về nhà bố mẹ ruột tại Buôn C, xã Y, huyện L để sinh sống từ đó cho đến nay, không về sống chung với vợ con nữa. Nguyện vọng của anh Y K Triêk cho rằng; mặc dù hiện nay vợ chồng đã sống ly thân với thời gian quá lâu nhưng anh Y K vẫn còn tình cảm yêu thương vợ con, mong muốn yêu cầu Tòa án giải quyết để vợ chồng quay về đoàn tụ gia đình và cùng chăm sóc nuôi dưỡng con cái trưởng thành. Ngoài ra, anh Y K Triêk không có yêu cầu gì khác.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện L phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật.

- Về tố tụng và thẩm quyền: Chị H Y Du khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, giải quyết việc nuôi con và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con với bị đơn anh Y K Triêk, đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Do bị đơn anh Y K Triêk có địa chỉ nơi cư trú tại huyện L nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Đắk Lắk. Vậy, Tòa án căn cứ vào khoản 1, khoản 5 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 để thụ lý và giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật. Trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án, Thẩm phán đã áp dụng đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về thụ lý vụ án, mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, chuẩn bị xét xử. Tại phiên tòa sơ thẩm, Hội đồng xét xử đã áp dụng đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về trình tự, thủ tục của phiên tòa sơ thẩm. Trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị H Y Du đã chấp hành đúng quy định của pháp luật; riêng đối với bị đơn anh Y K Triêk không chấp hành tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải. Tòa án chuyển hồ sơ vụ án cho Viện kiểm sát nghiên cứu được đảm bảo đúng thời hạn quy định.

- Về điều luật áp dụng: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Khoản 1 Điều 51; Khoản 1 Điều 56; 58; 81; 82; 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 và Khoản 1, Khoản 5 Điều 28; điểm a Khoản 1 Điều 35; điểm a Khoản 1 Điều 39; Điều 144; điểm h Khoản 1 Điều 217; Điều 262 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Điểm đ Khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội khóa 14, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý án phí và lệ phí Tòa án. Đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết vụ án theo hướng:

1. Chấp nhận đơn yêu cầu khởi kiện của chị H Y Du, về việc yêu cầu giải quyết ly hôn với anh Y K Triêk.

2. Về con chung: Giao cháu Y K Du, sinh ngày 04/12/2009 cho chị H Y Du trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục cho đến tuổi thành. Xét về vấn đề cấp dưỡng nuôi con, trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án, thì chị H Y Du xin rút một phần yêu cầu khởi kiện về việc không yêu cầu anh Y K Triêk phải cấp dưỡng nuôi cháu Y K Du là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử phải đình chỉ yêu cầu cấp dưỡng nuôi cháu Y K Du của chị H Y Du đối với anh Y K Triêk là đúng pháp luật.

3. Về tài sản và nợ chung: Không có yêu cầu nên không đề cập giải quyết.

4. Về nghĩa vụ án phí: Chị H Y Du có đơn xin miễn án phí và anh Y K Triêk đều là người đồng bào dân tộc thiểu số sinh sống ở vùng Buôn kinh tế đặc biệt khó khăn theo Quyết định số: 582/QĐ- TTg ngày 28/4/2017 của Chính Phủ nên chị H Y Du và anh Y K Triêk được miễn toàn bộ án phí theo quy định của pháp luật. Hoàn trả lại cho chị H Y Du số tiền 300.000 đồng đã nộp tiền tạm ứng án phí tại Chi cục thi hành án dân sự huyện L, tỉnh Đắk Lắk.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên toà, căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định.

[1] Về tố tụng: Chị H Y Du khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết về *"Ly hôn, giải quyết việc nuôi con chung và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con với anh Y K Triêk"*. Đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Do bị đơn anh Y K có địa chỉ nơi cư trú tại huyện L nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Đắk Lắk. Vì vậy, Tòa án nhân dân huyện L căn cứ vào Khoản 1, Khoản 5 Điều 28; điểm a Khoản 1 Điều 35; Điểm a Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 để thụ lý và giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị H Y Du và anh Y K Triêk đã xác lập quan hệ hôn nhân và gia đình dựa trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều kiện kết hôn và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Y, huyện L vào ngày 27/10/2008 nên quan hệ hôn nhân giữa chị H Y Du và anh Y K Triêk là hợp pháp, được pháp luật Nhà nước ta công nhận. Tuy nhiên, trong quá trình sống chung vợ chồng chị H Y Du và anh Y K Triêk đã xảy ra mâu thuẫn quá lớn, do tính tình hai vợ chồng không hiểu nhau, ghen tuông vô cớ dẫn đến cãi vả, chửi bới, xúc phạm nhau và luôn bất đồng về quan điểm sống đã kéo dài nhiều năm nay. Mặt khác, thực tế tình cảm của hai vợ chồng thực sự không còn nữa, đã sống ly thân với nhau thời gian quá lâu từ

năm 2014, hiện anh Y K đã bỏ hẳn về nhà mẹ ruột tại Buôn C, xã Y, huyện L để sinh sống từ đó cho đến nay, không quay về nhà sống chung với vợ con chị H Y nữa, do đó làm cho mâu thuẫn vợ chồng ngày càng căng thẳng hơn, không có biện pháp thích hợp để hàn gắn mâu thuẫn vợ chồng, nếu có về đoàn tụ cũng khó có khả năng hạnh phúc lâu dài. Như vậy, vợ chồng chị H Y Du và anh Y K Triêk đã làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do vậy, căn cứ vào Khoản 1 Điều 51, Khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, do đó Tòa án chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị H Y Du đối với anh Y K Triêk là phù hợp.

[3] Xét việc bị đơn anh Y K Triêk cho rằng: Sự việc chị H Y Du yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh Y K là chưa được thông qua giải quyết và hòa giải ở dưới cơ sở thôn Buôn cũng như chính quyền địa phương xã Y giải quyết trước mà chị H Y đã làm đơn khởi kiện gửi thẳng đến Tòa án giải quyết nên anh Y K không chấp nhận ly hôn với chị H Y Du là không có cơ sở. Bởi vì, căn cứ vào biên bản xác minh, cả hai Buôn trưởng của hai Buôn Y và Buôn C, xã Y đều khẳng định và thừa nhận là vợ chồng chị H Y Du và anh Y K Triêk có xảy ra mâu thuẫn nhiều lần, nhiều năm nay và vợ chồng đã sống ly thân với nhau từ năm 2014 cho đến nay, nhưng cả hai bên vẫn không thực hiện làm đơn gửi đến Buôn trưởng cũng như chính quyền địa phương xã Y để hòa giải mâu thuẫn vợ chồng. Căn cứ vào Khoản 1 Điều 51 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định *"Khi vợ, chồng hoặc cả hai người có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn"*, đây là tranh chấp về ly hôn thì pháp luật không quy định bắt buộc phải làm thủ tục qua hòa giải ở dưới cơ sở thôn Buôn hoặc chính quyền địa phương xã, thị trấn để hòa giải và giải quyết trước khi gửi đơn ly hôn đến Tòa án giải quyết; trừ trường hợp tranh chấp về *"Quyền sử dụng đất"* quy định tại Điều 202 và Điều 203 của Luật đất đai năm 2013, thì bắt buộc phải thông qua hòa giải, giải quyết ở dưới cơ sở, UBND cấp xã, thị trấn nơi có đất tranh chấp để hòa giải. Tuy nhiên, về thủ tục ly hôn nếu vợ hoặc chồng yêu cầu giải quyết ly hôn, thì pháp luật không nghiêm cấm khuyến khích hòa giải ở dưới cơ sở được quy định tại Điều 52 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 *"Nhà nước và xã hội khuyến khích việc hòa giải ở cơ sở khi vợ, chồng có yêu cầu ly hôn. Việc hòa giải được thực hiện theo quy định của pháp luật về hòa giải ở cơ sở"*.

[4] Trong quá trình giải quyết vụ án; mặc dù Tòa án đã triệu tập đến phiên họp, thông báo mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhiều lần nhưng anh Y K Triêk vẫn tỏ thái độ không hợp tác, không chấp hành, không chịu làm bản tự khai hoặc Tòa án tiến hành lấy lời khai nhưng anh Y K vẫn cương quyết không chịu trả lời cho Tòa án, không chịu ký vào biên bản mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và biên bản hòa giải. Đây chỉ là cái cớ, để viện ra nhiều lý do nhằm mục đích, trì hoãn, kéo dài, gây cản trở hoạt động tố tụng của Tòa án và gây khó khăn cho việc giải quyết vụ án. *(có đầy đủ các biên bản làm việc, biên bản xác minh đã lưu giữ trong hồ sơ vụ án kèm theo)*.

[5] Xét về lời khai của anh Y K Triêk tại phiên tòa hôm nay: Mặc dù vợ chồng anh Y K Triêk và chị H Y Du đã sống ly thân với nhau thời gian qúa lâu, nhưng anh vẫn còn tình cảm yêu thương vợ con là hoàn toàn không có cơ sở chấp nhận; vì thực tế tình cảm của hai vợ chồng thực sự không còn nữa, vợ chồng đã sống ly thân với nhau từ tháng 4/2014, hiện anh Y K đã bỏ hẳn về nhà bố mẹ ruột tại Buôn C, xã Y, huyện L để sinh sống từ đó cho đến nay, mỗi người sống ở mỗi nơi, không quay về nhà sống chung với vợ con tại Buôn Y, xã Y nữa, do đó làm cho mâu thuẫn vợ chồng ngày càng căng thẳng hơn, không có biện pháp thích hợp để hàn gắn mâu thuẫn vợ chồng, vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Như vậy, Tòa án chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị H Y Du đối với anh Y K Triêk là có căn cứ pháp luật.

[6] Về con chung: Giao cháu Y K Du, sinh ngày 04/12/2009 cho chị H Y Du trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục cho đến tuổi trưởng thành là phù hợp; hơn nữa phải tôn trọng ý kiến của cháu Y K Du, nếu bố mẹ ly hôn thì muốn sống với mẹ là chị H Y Du. Vấn đề cấp dưỡng nuôi con, trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án, thì chị H Y Du có đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện về việc không yêu cầu anh Y K Triêk phải cấp dưỡng nuôi cháu Y K Du là tự nguyện, vì lý do hiện nay chị H Y Du đã có công ăn việc làm, thu nhập ổn định và có đủ điều kiện để nuôi dưỡng chăm sóc lo cho cháu Y K Du ăn học đầy đủ. Do đó, Tòa án xét thấy cần phải đình chỉ yêu cầu cấp dưỡng nuôi cháu Y K Du theo hàng tháng với mức 2.000.000 đồng/tháng của chị H Y Du đối với anh Y K Triêk là hợp lý.

Các bên có quyền đi lại thăm nom con chung, không ai được cản trở. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

[7] Về tài sản và nợ chung: Không có yêu cầu Tòa án giải quyết.

[8] Xét ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát về việc giải quyết vụ án là phù hợp nên cần chấp nhận.

[9] Về án phí: Chị H Y Du có đơn xin miễn án phí và anh Y K Triêk đều là những người đồng bào dân tộc thiểu số sinh sống ở vùng Buôn kinh tế đặc biệt khó khăn theo Quyết định số: 582/QĐ- TTg ngày 28/4/2017 của Chính Phủ nên chị H Y Du và anh Y K Triêk được miễn toàn bộ án phí theo quy định của pháp luật. Hoàn trả lại cho chị H Y Du 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện L, tỉnh Đắk Lắk.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 1 Điều 51; Khoản 1 Điều 56; 58; 81; 82; 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Khoản 1, Khoản 5 Điều 28; điểm a Khoản 1 Điều 35; điểm a Khoản 1 Điều 39; Điều 144; điểm h Khoản 1 Điều 217; Điều 235; điểm c khoản 2 Điều 266 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Áp dụng Quyết định số: 582/QĐ- TTg ngày 28/4/2017 của Chính Phủ quy định đối với người đồng bào dân tộc thiểu số sinh sống ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn. Điểm đ Khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số: 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội khóa 14, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị H Y Du đối với anh Y K Triêk.

2. Về con chung: Giao cháu Y K Du, sinh ngày 04/12/2009 cho chị H Y Du trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến tuổi trưởng thành.

Các bên được quyền đi lại thăm nom con chung, không ai được cản trở. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một trong hai bên Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3. Đình chỉ yêu cầu cấp dưỡng nuôi con theo hàng tháng với mức 2.000.000 đồng/tháng của chị H Y Du đối với anh Y K Triêk.

4. Về tài sản và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

5. Về án phí: Chị H Y Du và anh Y K Triêk được miễn toàn bộ án phí theo quy định của pháp luật. Hoàn trả lại cho chị H Y Du 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo biên lai nộp số AA/2014/0035166 ngày 12/6/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện L, tỉnh Đắk Lắk.

Các đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND huyện L;
- CCTHADS huyện L;
- UBND xã Y;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Y Phụng Ayun